

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM XÃ PHỔ AN
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 27/05/2025 của UBND xã Phổ An)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1: Từ ngày 15/12/2010 đến ngày 14/12/2015	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2015 đến ngày 14/12/2020	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:		Giai đoạn 3: Từ ngày 15/12/2020 đến 01/6/2025	15 năm thực hiện Chỉ thị (từ ngày 15/12/2010 - 01/6/2025)
				Theo đơn vị đếm	Theo %		
1. Tình hình, kết quả công tác đấu tranh chống tội phạm							
1	Số lượt khiếu kiện	0	0	0	0,00	0	0
	Số lượt người tham gia khiếu kiện	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ việc liên quan đến khiếu kiện	0	0	0	0,00	0	0
2	Số vụ phạm tội an ninh quốc gia	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ phát hiện	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ khám phá	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng phạm tội bị bắt giữ, xử lý	0	0	0	0,00	0	0
	Thiệt hại (tỷ đồng)	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ khởi tố mới	0	0	0	0,00	0	0
	Số bị can khởi tố mới	0	0	0	0,00	0	0
3	Số vụ phạm tội về trật tự xã hội	39	34	-5	-12,82	7	80
	Số vụ phát hiện	30	7	-23	-76,67	7	44
	Số vụ khám phá	9	7	-2	-22,22	7	23
	Số đối tượng phạm tội bị bắt giữ, xử lý	42	9	-33	-78,57	7	58
	Số người chết trong các vụ phạm tội	1	1	0	0,00	1	3
	Số người bị thương trong các vụ phạm tội	18	8	-10	-55,56	3	29
	Thiệt hại (tỷ đồng)	0,5	0,3	-0,2	-40,00	0,2	#VALUE!
	Số vụ khởi tố mới	25	11	-14	-56,00	7	43
	Số bị can khởi tố mới	25	13	-12	-48,00	6	44

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1: Từ ngày 15/12/2010 đến ngày 14/12/2015	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2015 đến ngày 14/12/2020	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:		Giai đoạn 3: Từ ngày 15/12/2020 đến 01/6/2025	15 năm thực hiện Chỉ thị (từ ngày 15/12/2010 - 01/6/2025)
				Theo đơn vị đếm	Theo %		
4	Số vụ đối tượng sử dụng vũ khí “nóng”	12	6	-6	-50,00	3	21
5	Số vụ phạm tội có tổ chức	0	0	0	0,00	0	0
6	Số băng, nhóm tội phạm bị triệt phá	0	0	0	0,00	0	0
7	Số vụ hiếp dâm	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ mà nạn nhân là người dưới 16 tuổi	0	0	0	0,00	0	0
8	Số vụ cưỡng dâm người từ 13-16 tuổi	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng cưỡng dâm người từ 13-16 tuổi	0	0	0	0,00	0	0
9	Số vụ giao cấu với người từ 13-16 tuổi	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng giao cấu với người từ 13-16 tuổi	0	0	0	0,00	0	0
10	Số vụ dâm ô với người dưới 16 tuổi	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng dâm ô với người dưới 16 tuổi	0	0	0	0,00	0	0
11	Số vụ xâm hại trẻ em	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng xâm hại trẻ em	0	0	0	0,00	0	0
12	Số vụ lừa đảo, chiếm đoạt tài sản	2	0	-2	-100,00	0	2
	Số đối tượng lừa đảo, chiếm đoạt tài sản	2	0	-2	-100,00	0	2
13	Số vụ gây rối trật tự công cộng	3	1	-2	-66,67	1	5
	Số đối tượng gây rối trật tự công cộng	4	2	-2	-50,00	2	8
14	Số vụ tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép	0	0	0	0,00	0	0

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1: Từ ngày 15/12/2010 đến ngày 14/12/2015	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2015 đến ngày 14/12/2020	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:		Giai đoạn 3: Từ ngày 15/12/2020 đến 01/6/2025	15 năm thực hiện Chỉ thị (từ ngày 15/12/2010 - 01/6/2025)
				Theo đơn vị đếm	Theo %		
15	Số vụ tổ chức, môi giới cho người khác nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng tổ chức, môi giới cho người khác nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép	0	0	0	0,00	0	0
16	Số vụ giết người	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng giết người	1	0	-1	-100,00	1	2
	Số vụ giết người mà nạn nhân là người thân	1	0	-1	-100,00	1	2
17	Số đối tượng giết người mà nạn nhân là người thân	1	1	0	0,00	1	3
	Số vụ mua bán người	0	0	0	0,00	0	0
18	Số đối tượng mua bán người	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ cướp tài sản	0	0	0	0,00	0	0
19	Số đối tượng cướp tài sản	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ cưỡng đoạt tài sản	0	0	0	0,00	0	0
20	Số đối tượng cưỡng đoạt tài sản	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ cướp giật tài sản	2	0	-2	-100,00	1	3
21	Số đối tượng cướp giật tài sản	2	0	-2	-100,00	1	3
	Số vụ trộm cắp tài sản	10	7	-3	-30,00	1	18
22	Số đối tượng trộm cắp tài sản	10	7	-3	-30,00	1	18
	Số vụ hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản	5	3	-2	-40,00	0	8
23	Số đối tượng hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản	7	3	-4	-57,14	0	10
	Số vụ chứa mại dâm	0	0	0	0,00	0	0

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1: Từ ngày 15/12/2010 đến ngày 14/12/2015	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2015 đến ngày 14/12/2020	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:		Giai đoạn 3: Từ ngày 15/12/2020 đến 01/6/2025	15 năm thực hiện Chỉ thị (từ ngày 15/12/2010 - 01/6/2025)
				Theo đơn vị đếm	Theo %		
24	Số đối tượng chứa mại dâm	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ môi giới mại dâm	0	0	0	0,00	0	0
25	Số đối tượng môi giới mại dâm	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc	4	2	-2	-50,00	1	7
	Số đối tượng đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc	8	4	-4	-50,00	2	14
26	Số vụ đánh bạc trên mạng Internet	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ chống người thi hành công vụ	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng chống người thi hành công vụ	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ chống lực lượng Công an thi hành công vụ	0	0	0	0,00	0	0
27	Số đối tượng chống lực lượng Công an thi hành công vụ	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng truy nã đã vận động ra đầu thứ, thanh loại	1	1	0	0,00	1	3
	Số đối tượng truy nã bị bắt	1	1	0	0,00	1	3
	Số đối tượng truy nã phát sinh	0	0	0	0,00		0
	Số đối tượng truy nã hiện còn	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng truy nã nguy hiểm, đặc biệt nguy hiểm hiện còn	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ phạm tội về trật tự, quản lý kinh tế	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ phát hiện	0	0	0	0,00	0	0
	Số cá nhân bị phát hiện	0	0	0	0,00	0	0
	Số tổ chức bị phát hiện	0	0	0	0,00	0	0

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1: Từ ngày 15/12/2010 đến ngày 14/12/2015	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2015 đến ngày 14/12/2020	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:		Giai đoạn 3: Từ ngày 15/12/2020 đến 01/6/2025	15 năm thực hiện Chỉ thị (từ ngày 15/12/2010 - 01/6/2025)
				Theo đơn vị đếm	Theo %		
28	Tài sản thu hồi (tỷ đồng)	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ khởi tố mới	0	0	0	0,00	0	0
	Số bị can khởi tố mới	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển hàng cấm	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ sản xuất, buôn bán hàng giả	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ trốn thuế	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ vi phạm các quy định về quản lý đất đai	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản	0	0	0	0,00	0	0
29	Số vụ phạm tội về tham nhũng, chức vụ	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ phát hiện	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng phạm tội về tham nhũng,	0	0	0	0,00	0	0
	Tài sản thu hồi là tiền mặt (tỷ đồng)	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ khởi tố mới	0	0	0	0,00	0	0
	Số bị can khởi tố mới	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ tham ô tài sản	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng tham ô tài sản	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ nhận hối lộ	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng nhận hối lộ	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ lạm dụng chức vụ, quyền hạn, chiếm đoạt tài sản	0	0	0	0,00	0	0

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1: Từ ngày 15/12/2010 đến ngày 14/12/2015	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2015 đến ngày 14/12/2020	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:		Giai đoạn 3: Từ ngày 15/12/2020 đến 01/6/2025	15 năm thực hiện Chỉ thị (từ ngày 15/12/2010 - 01/6/2025)
				Theo đơn vị đếm	Theo %		
	Số đối tượng lạm dụng chức vụ, quyền hạn, chiếm đoạt tài sản	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ	0	0	0	0,00	0	0
30	Số vụ phạm tội về môi trường, an toàn thực phẩm	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ phát hiện	0	0	0	0,00	0	0
	Số cá nhân bị phát hiện	0	0	0	0,00	0	0
	Số tổ chức bị phát hiện	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ khởi tố mới	0	0	0	0,00	0	0
	Số bị can khởi tố mới	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ xử phạt hành chính	0	0	0	0,00	0	0
	Số tiền xử phạt (tỷ đồng)	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ khai thác khoáng sản trái phép	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ gây ô nhiễm môi trường	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ hủy hoại rừng	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ vi phạm về quản lý chất thải nguy hại	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ vi phạm quy định về an toàn thực phẩm	0	0	0	0,00	0	0
31	Số vụ phạm tội lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ phát hiện	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng phạm tội	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ khởi tố mới	0	0	0	0,00	0	0

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1: Từ ngày 15/12/2010 đến ngày 14/12/2015	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2015 đến ngày 14/12/2020	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:		Giai đoạn 3: Từ ngày 15/12/2020 đến 01/6/2025	15 năm thực hiện Chỉ thị (từ ngày 15/12/2010 - 01/6/2025)
				Theo đơn vị đếm	Theo %		
	Số bị can khởi tố mới	0	0	0	0,00	0	0
32	Số vụ lợi dụng cao nghệ cao, không gian mạng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng lợi dụng công nghệ cao, không gian mạng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ xử lý hành chính	0	0	0	0,00	0	0
	Số tiền xử lý hành chính (tỷ đồng)	0	0	0	0,00	0	0
33	Số vụ phạm tội về ma túy	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ phát hiện	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng bị phát hiện	0	0	0	0,00	0	0
	Số heroin thu giữ (kg)	0	0	0	0,00	0	0
	Số ma túy tổng hợp dạng tinh thể thu giữ (kg)	0	0	0	0,00	0	0
	Số ma túy tổng hợp dạng viên thu giữ (viên)	0	0	0	0,00	0	0
	Số thuốc phiện thu giữ (kg)	0	0	0	0,00	0	0
	Số cần sa thu giữ (kg)	0	0	0	0,00	0	0
34	Số vụ phạm tội có tổ chức	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng phạm tội có tổ chức	0	0	0	0,00	0	0
35	Số vụ phạm tội xuyên quốc gia	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng phạm tội xuyên quốc gia	0	0	0	0,00	0	0
36	Số vụ phạm tội có yếu tố nước ngoài	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng phạm tội có yếu tố nước ngoài	0	0	0	0,00	0	0

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1: Từ ngày 15/12/2010 đến ngày 14/12/2015	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2015 đến ngày 14/12/2020	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:		Giai đoạn 3: Từ ngày 15/12/2020 đến 01/6/2025	15 năm thực hiện Chỉ thị (từ ngày 15/12/2010 - 01/6/2025)
				Theo đơn vị đếm	Theo %		
37	Số vụ phạm tội mà đối tượng phạm tội là cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng phạm tội là cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức	0	0	0	0,00	0	0
38	Số vụ phạm tội mà đối tượng là người thân của cán bộ, đảng viên, công chức,	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng phạm tội là người thân của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức	0	0	0	0,00	0	0
39	Số vụ phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp	0	0	0	0,00	0	0
40	Số vụ phạm tội lợi dụng thiên tai, dịch bệnh	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng phạm tội lợi dụng thiên tai, dịch bệnh	0	0	0	0,00	0	0
41	Số vụ phạm tội liên quan đến hoạt động "tín dụng đen"	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng phạm tội liên quan đến hoạt động "tín dụng đen"	0	0	0	0,00	0	0
42	Số vụ phạm tội liên quan đến hoạt động kinh doanh đa cấp	0	0	0	0,00	0	0
	Số đối tượng phạm tội liên quan đến hoạt động kinh doanh đa cấp	0	0	0	0,00	0	0
	Số vụ khởi tố mới	7	7	0	0,00	7	21
	Số bị can khởi tố mới	7	7	0	0,00	7	21

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1: Từ ngày 15/12/2010 đến ngày 14/12/2015	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2015 đến ngày 14/12/2020	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:		Giai đoạn 3: Từ ngày 15/12/2020 đến 01/6/2025	15 năm thực hiện Chỉ thị (từ ngày 15/12/2010 - 01/6/2025)
				Theo đơn vị đếm	Theo %		
2. Công tác điều tra, xử lý tội phạm							
1	- Tổng số tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố phải giải quyết	0	0	0	0	7	7
	Trong đó: + Số mới nhận	0	0	0	0	7	7
	+ Số phục hồi	0	0	0	0	0	0
	+ Số còn tồn của kỳ trước	0	0	0	0	0	0
	- Tổng số tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố đã giải quyết	0	0	0	0	7	7
	Trong đó: + Số đã khởi tố	0	0	0	0	7	7
	+ Số không khởi tố	0	0	0	0	0	0
	+ Số tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ giải quyết	0	0	0	0	0	0
	- Số cuối kỳ đang trong thời hạn giải quyết	0	0	0	0	0	0
	- Số quá hạn giải quyết	0	0	0	0	0	0
	Tổng số vụ án đã thụ lý	0	0	0	0	7	7
	Tổng số bị can đã thụ lý	0	0	0	0	7	7
	Số vụ án khởi tố mới	0	0	0	0	7	7
	Số bị can khởi tố mới	0	0	0	0	7	7
	Số vụ cơ quan điều tra đề nghị truy tố	0	0	0	0	7	7
Số bị can cơ quan điều tra đề nghị truy tố	0	0	0	0	7	7	
2	Số vụ VKS hủy quyết định khởi tố của CQĐT	0	0	0	0	0	0
	Số bị can VKS hủy quyết định khởi tố của CQĐT	0	0	0	0	0	0

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1: Từ ngày 15/12/2010 đến ngày 14/12/2015	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2015 đến ngày 14/12/2020	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:		Giai đoạn 3: Từ ngày 15/12/2020 đến 01/6/2025	15 năm thực hiện Chỉ thị (từ ngày 15/12/2010 - 01/6/2025)
				Theo đơn vị đếm	Theo %		
3	Số vụ VKS hủy quyết định không khởi tố của CQĐT	0	0	0	0	0	0
4	Số vụ án VKS yêu cầu CQĐT hủy bỏ quyết định khởi tố	0	0	0	0	0	0
	Số vụ CQĐT đã hủy bỏ	0	0	0	0	0	0
5	Số vụ án CQĐT trong Công an nhân dân thụ lý điều tra không thuộc thẩm quyền	0	0	0	0	0	0
6	Số vụ án CQĐT trong Quân đội nhân dân thụ lý điều tra không thuộc thẩm quyền	0	0	0	0	0	0
7	Số vụ án CQĐT Viện kiểm sát nhân dân thụ lý điều tra không thuộc thẩm quyền	0	0	0	0	0	0
8	Số vụ án CQĐT đã khởi tố theo yêu cầu của VKS	0	0	0	0	0	0
	Số bị can CQĐT đã khởi tố theo yêu cầu của VKS	0	0	0	0	0	0
9	Số người VKS không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp	0	0	0	0	0	0
	Số người VKS hủy quyết định tạm giữ	0	0	0	0	0	0
	Số người VKS không phê chuẩn gia hạn tạm giữ	0	0	0	0	0	0
	giam	0	0	0	0	0	0

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1: Từ ngày 15/12/2010 đến ngày 14/12/2015	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2015 đến ngày 14/12/2020	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:		Giai đoạn 3: Từ ngày 15/12/2020 đến 01/6/2025	15 năm thực hiện Chỉ thị (từ ngày 15/12/2010 - 01/6/2025)
				Theo đơn vị đếm	Theo %		
10	Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam	0	0	0	0	0	0
	Số bị can VKS không gia hạn tạm giam	0	0	0	0	0	0
	Số người VKS yêu cầu CQĐT bắt để tạm giam	0	0	0	0	0	0
	- Trong đó CQĐT đã bắt theo yêu cầu	0	0	0	0	0	0
11	Số vụ CQĐT tạm đình chỉ điều tra	0	0	0	0	0	0
	Số bị can CQĐT tạm đình chỉ điều tra	0	0	0	0	0	0
	Số vụ án VKS hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ	0	0	0	0	0	0
	Số bị can VKS hủy quyết định tạm đình chỉ	0	0	0	0	0	0
	kỳ	0	0	0	0	0	0
	Số bị can tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ	0	0	0	0	0	0
12	Số vụ án CQĐT đình chỉ điều tra	0	0	0	0	1	1
	Số bị can CQĐT đình chỉ điều tra	0	0	0	0	1	1
	Số vụ án VKS hủy bỏ quyết định đình chỉ	0	0	0	0	0	0
	Số bị can VKS hủy quyết định đình chỉ	0	0	0	0	0	0
	Số bị can bị đình chỉ do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm hoặc do hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can thực hiện tội phạm	0	0	0	0	0	0
	Số bị can được miễn trách nhiệm hình sự	0	0	0	0	1	1
	Số người mới bị tạm giữ	0	0	0	0	0	0

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1: Từ ngày 15/12/2010 đến ngày 14/12/2015	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2015 đến ngày 14/12/2020	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:		Giai đoạn 3: Từ ngày 15/12/2020 đến 01/6/2025	15 năm thực hiện Chỉ thị (từ ngày 15/12/2010 - 01/6/2025)
				Theo đơn vị đếm	Theo %		
13	Tổng số đối tượng bị tạm giữ	0	0	0	0	0	0
	Số đã giải quyết	0	0	0	0	0	0
	Trong đó: Số chuyển xử lý hình sự	0	0	0	0	0	0
14	Tổng số đối tượng bị tạm giam	0	0	0	0	0	0
	Số đã giải quyết	0	0	0	0	0	0
	Số trường hợp tạm giam chuyển sang biện pháp ngăn chặn khác	0	0	0	0	0	0
3. Công tác xây dựng mô hình phòng, chống tội phạm; giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân							
1	Tổng số mô hình đã xây dựng	2	2	0	0,00	4	8
	Tổng số mô hình hoạt động hiệu quả	1	1	0	0,00	2	4
	Tổng số mô hình đã thanh loại	2	2	0	0,00	2	6
2	Tổng số các vụ việc mâu thuẫn kéo dài trong nội bộ nhân dân	10	9	-1	-10,00	5	24
	Tổng số người liên quan	12	11	-1	-8,33	7	30
	Tổng số vụ việc đã giải quyết ổn định	12	11	-1	-8,33	2	25
	Tổng số vụ việc còn đang giải quyết	0	0	0	0,00	2	2
	Tổng số vụ việc đã giải quyết nhưng chưa triệt để (tiếp tục phát sinh mâu thuẫn cần giải quyết)	0	0	0	0,00	0	0
4. Quyết định đưa đối tượng đi Cơ sở giáo dục bắt buộc, Trường giáo dưỡng, Cơ sở cai nghiện bắt buộc							
1	Tổng số đối tượng đưa đi cơ sở giáo dục bắt buộc	0	0	0	0	0	0
2	Tổng số đối tượng đưa đi trường giáo dưỡng	0	0	0	0	0	0
3	Tổng số đối tượng đưa đi cai nghiện bắt buộc	0	0	0	0	0	0